

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v: Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Xu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Anh
Bà Võ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà với ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính, thường xuyên cãi vã, ông T nhiều lần đánh đập bà. Nay bà không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 5 con chung gồm Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993; Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996; Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; Nguyễn Văn T, sinh năm 2005; Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2014. Hiện nay các cháu T1, T2, L đã

thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Tấn Đ, giao cháu Nguyễn Văn T cho ông T nuôi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông với bà L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L làm chủ quyền và tự ý quyết định mọi việc trong nhà. Nay ông thấy tình cảm không còn nên đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 5 con chung gồm Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993; Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996; Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; Nguyễn Văn T, sinh năm 2005 và Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2014. Hiện nay các cháu T1, T2, L đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Văn T, giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho bà L nuôi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện không đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn T là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T cho ông T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho bà L nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn T là vợ chồng và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn T cư trú tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy

định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính, thường xuyên cãi vã, ông T nhiều lần đánh đập bà. Ông T cho rằng do bà L tự ý quyết định mọi việc trong nhà dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Tuy nhiên, trường hợp chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn của bà L và ông T thì Toà án không giải quyết cho ly hôn mà không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng quy định tại các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Bà L và ông T có 5 con chung gồm Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993; Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996; Nguyễn Thị L, sinh năm 1999; Nguyễn Văn T, sinh năm 2005; Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2014. Hiện nay các cháu T1, T2, L đã thành niên các bên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn Đ, ông T và bà L đều có nguyện vọng giao cháu Nguyễn Văn T cho ông T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tấn Đ cho bà L nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được ở với ông T, cháu Đ có nguyện vọng được ở với bà L, nên giao cháu T cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên và đảm bảo quyền lợi của các cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 29/01/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/3/2005 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ

thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010581 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà L đã nộp xong tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/01/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- UBND xã Tam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Văn Xu

